

BÁO CÁO BÀI LÀM

ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC ĐỔI MỚI SÁNG TẠO CỦA VIỆT NAM & ASEAN

VIỆT NAM ĐANG “THẮNG NGẮN” HAY “THUA DÀI”?

| Giai đoạn 2014-2024

Trình bày bởi

ĐẠI ĐI

LỜI MỞ ĐẦU

Trong hơn một thập kỷ qua, Việt Nam đã lặn lẽ nhưng bền bỉ vươn lên trên bản đồ đổi mới sáng tạo toàn cầu, vươn từ vị trí 76 lên 44 theo GII – lọt vào top 2 ASEAN. Đặc biệt, sau cú sốc COVID-19, Việt Nam không chỉ phục hồi mạnh mẽ mà còn ghi nhận mức tăng trưởng GDP ấn tượng 8,5% – cao nhất khu vực năm 2022.

Những con số ấy là tín hiệu tích cực, nhưng cũng đặt ra một câu hỏi chiến lược: **Liệu Việt Nam đang bước vào một chu kỳ tăng trưởng bền vững nhờ đổi mới thực chất, hay chỉ “thăng ngắn” nhờ hiệu suất đầu ra tạm thời, trong khi các nền tảng đổi mới như thể chế, R&D hay nhân lực vẫn còn thiếu ổn định?**

Báo cáo này sẽ tiếp cận vấn đề thông qua phân tích dữ liệu GII và GDP của Việt Nam và ASEAN giai đoạn 2014–2024, nhằm tìm lời giải cho câu hỏi: Đổi mới sáng tạo của Việt Nam đang là đòn bẩy dài hạn, hay chỉ là điểm sáng ngắn hạn trong một hệ sinh thái còn mong manh?

Nhóm: ĐẠI ĐÌ

MỤC TIÊU VÀ TÍNH CẤP THIẾT CỦA ĐỀ TÀI

MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU

- Phân tích mối quan hệ giữa các trụ cột GII và tăng trưởng GDP tại Việt Nam trong bối cảnh ASEAN (2014–2024).
- Đánh giá hiệu suất hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, xác định điểm mạnh, điểm yếu và nút thắt.
- Đề xuất giải pháp chiến lược nhằm nâng cao năng lực đổi mới một cách đồng bộ và bền vững.

ĐỐI TƯỢNG HƯỚNG ĐẾN

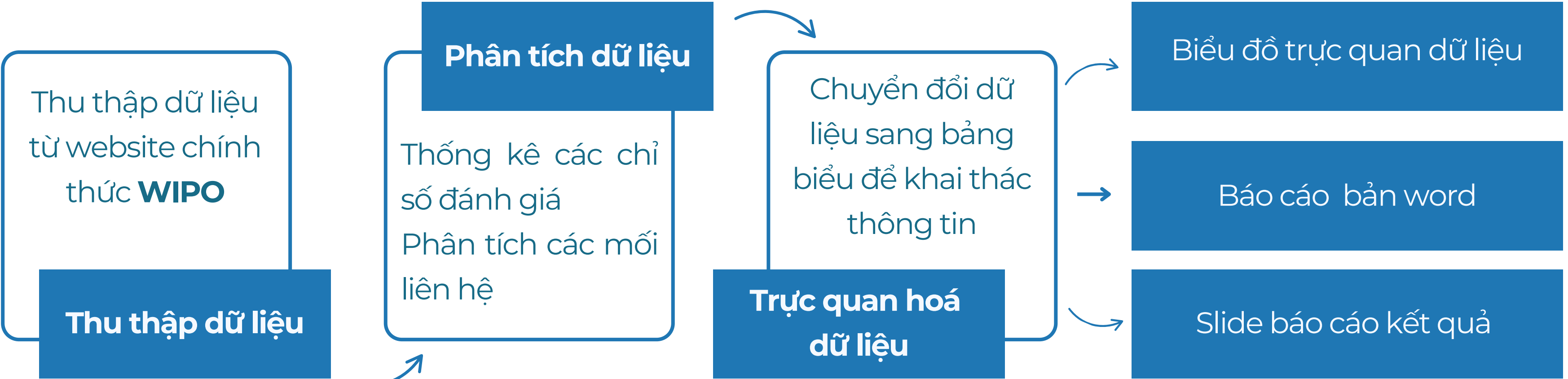
- Nhà hoạch định chính sách, lãnh đạo cấp trung và cao cấp
- Các nhà nghiên cứu, chuyên gia phát triển
- Doanh nghiệp, startup công nghệ, quỹ đầu tư

TÍNH CẤP THIẾT CỦA ĐỀ TÀI

- Đổi mới sáng tạo là động lực then chốt để duy trì và nâng cao tăng trưởng kinh tế bền vững.
- Việt Nam đã đạt tăng trưởng GDP ấn tượng, nhưng chưa rõ đổi mới sáng tạo có thực sự thúc đẩy lâu dài hay chỉ là hiệu ứng ngắn hạn.
- Cần nhận diện các điểm nghẽn và tiềm năng phát triển, đồng thời đánh giá tính bền vững của quá trình tăng trưởng.
- Liệu Việt Nam đang tận dụng đổi mới sáng tạo để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế dài hạn hay chỉ đạt được các bước tiến mang tính tạm thời, thiếu nền tảng vững chắc.

VẤN ĐỀ ĐẶT RA: VIỆT NAM ĐANG ĐI ĐƯỜNG DÀI, HAY CHỈ THẮNG NGẮN?

PHƯƠNG PHÁP THU THẬP & PHÂN TÍCH DỮ LIỆU



Phạm vi các nước	Thời gian thu thập	Thông tin sử dụng	
<ul style="list-style-type: none">Việt Nam6 nước thuộc khối ASEAN: Singapore, Malaysia, Indonesia, Campuchia, Thái Lan, Philipines	Thu thập dữ liệu theo năm từ 2014 đến 2024	<ul style="list-style-type: none">Tăng trưởng GDPThứ hạng GIIThế chếNguồn lực & nghiên cứuCơ sở hạ tầng	<ul style="list-style-type: none">Trình độ phát triển của thị trườngTrình độ phát triển kinh doanhSản phẩm tri thức và công nghệSản phẩm sáng tạo

BỘ DỮ LIỆU

NGUỒN DỮ LIỆU

- Số điểm và thứ hạng của 7 trụ cột nhằm đánh giá **năng lực đổi mới**, được khai thác từ **Báo cáo GII hằng năm của WIPO**
- Dữ liệu tăng trưởng kinh tế (GDP) lấy từ **World Bank**, phản ánh tổng sản phẩm quốc nội và tốc độ tăng trưởng kinh tế của các quốc gia



CẤU TRÚC BỘ DỮ LIỆU

Dữ liệu được tổ chức theo nhiều bảng tính, mỗi bảng đại diện cho chỉ số GDP, tăng trưởng GDP và một trụ cột tích hợp thành chỉ số GII:

- Thể chế
- Nguồn nhân lực và nghiên cứu
- Cơ sở hạ tầng
- Trình độ phát triển thị trường
- Trình độ phát triển kinh doanh
- Sản phẩm tri thức & công nghệ
- Sản phẩm sáng tạo

Quốc gia	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024
Campuchia	22.04	24.217	26.591	29.394	33.181	36.682	34.898	36.797	39.838	43.304	47.328
Indonesia	890.815	860.854	931.877	1015.619	1042.272	1119.1	1059.055	1186.51	1319.101	1371.169	1396.3
Malaysia	342.868	301.355	301.256	319.109	358.783	365.178	337.456	373.785	407.605	399.705	419.617
Philippines	297.484	306.446	318.627	328.481	346.842	376.823	361.751	394.087	404.353	437.055	461.617
Singapore	314.864	307.999	319.646	343.673	377.124	376.162	349.166	436.591	509.018	505.44	547.387
Thái Lan	407.339	401.296	413.366	456.357	506.754	543.977	500.462	506.195	495.645	515.906	526.411
Việt Nam	232.888	236.795	252.146	277.071	304.47	331.818	346.31	370.076	411.068	433.008	459.472

Ảnh minh họa một phần của bộ dữ liệu

ĐIỂM NHẤN CHÍNH

01 Việt Nam – điểm sáng ASEAN về đổi mới và tăng trưởng

- Giai đoạn 2014–2024, Việt Nam nổi bật trong khu vực ASEAN nhờ tăng trưởng GII và GDP.
- Việt Nam tăng 32 bậc GII (từ hạng 76 lên 44)
- GDP năm 2022 đạt 8,5% – cao nhất ASEAN

02 Mô hình tăng trưởng chưa bền vững

- Tăng trưởng đến từ hiệu suất đầu ra Sản phẩm sáng tạo và Sản phẩm công nghệ và tăng trưởng
- Đầu vào còn yếu: thể chế, hạ tầng, nhân lực, R&D
- Mô hình “tăng trưởng lệch”, tiềm ẩn rủi ro dài hạn

03 Kết luận chính

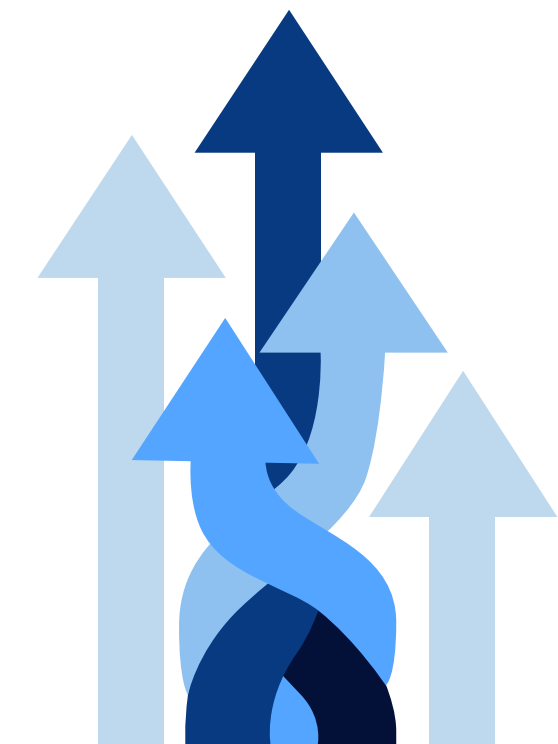
- Việt Nam đang “thắng ngắn” nhờ hiệu quả đầu ra, nhưng sẽ “thua dài” nếu không xây dựng hệ thống từ gốc.
- Việc duy trì tốc độ đổi mới sáng tạo không thể chỉ dựa vào kết quả đầu ra, mà cần cả nền móng vững chắc phía sau.

04 Đề xuất giải pháp

- Tăng chi ngân sách công cho R&D
- Phát triển trung tâm đổi mới vùng (Hà Nội, TP.HCM, Đà Nẵng)
- Xây dựng nền tảng số quốc gia
- Đẩy mạnh mô hình liên kết “3 nhà” (nhà nước – viện trường – doanh nghiệp)
- Thể chế hóa đổi mới trong chiến lược phát triển quốc gia

05 Mục tiêu dài hạn

- Chỉ khi hệ sinh thái đổi mới phát triển đồng bộ từ đầu vào đến đầu ra, Việt Nam mới có thể vượt qua giới hạn “tận dụng” để bước vào giai đoạn “kiến tạo” đổi mới thực chất.
- Đây là điều kiện tiên quyết để tiến tới một chu kỳ tăng trưởng bền vững hơn sau năm 2025.



MỤC LỤC

<u>01</u>	Bức tranh tổng quan - Việt Nam đang ở đâu trên bản đồ tăng trưởng và đổi mới?	07
	<ul style="list-style-type: none">• Bức tranh tăng trưởng kinh tế• Toàn cảnh năng lực đổi mới quốc gia (2014-2024)	
<u>02</u>	Năng lực đổi mới quốc gia Việt Nam trong so sánh các quốc gia khu vực ASEAN: Lợi thế và Khoảng cách	11
	<ul style="list-style-type: none">• Việt Nam - Hành trình chưa đồng đều của hệ sinh thái đổi mới• Nhóm trụ cột đầu vào - Chuyển biến tích cực nhưng thiếu bền vững• Nhóm trụ cột đầu ra - Từ “người theo sau” sang quốc gia kiến tạo giá trị đổi mới• Thực trạng năng lực đổi mới sáng tạo của Việt Nam năm 2024• Sự tương quan giữa các trụ cột đổi mới sáng tạo	
<u>03</u>	Kết luận	22
<u>04</u>	Đề xuất giải pháp	25



CÚ NHẢY DÀI BẮT ĐẦU TỪ BƯỚC CHẠY NGẮN?

Nhóm: ĐẠI ĐÌ

01

BƯỚC TRANH TỔNG QUAN - VIỆT NAM ĐANG Ở ĐÂU TRÊN BẢN ĐỒ TĂNG TRƯỞNG VÀ ĐỔI MỚI?

Bức tranh tăng trưởng kinh tế

Những năm gần đây, Việt Nam liên tục vượt mức trung bình 5,08% của ASEAN. Điều này cho thấy nền kinh tế Việt Nam có độ mở cao nhưng linh hoạt và có sức bật tốt. Đây cũng là nền tảng quan trọng để triển khai các chính sách thúc đẩy đổi mới sáng tạo, nâng cao sức cạnh tranh trong khu vực.



5.08%

ASEAN
Tốc độ tăng trưởng GDP

ASEAN duy trì tốc độ tăng trưởng **GDP trung bình 5,08%/năm** trong giai đoạn 2014–2024.

Cú sốc COVID-19 năm 2020 phơi bày sự chênh lệch về khả năng chống chịu giữa các quốc gia. Giai đoạn phục hồi 2021–2024 ghi nhận **Campuchia và Philippines bật dậy mạnh mẽ**, trong khi **Thái Lan và Singapore phục hồi chậm hơn**.



8.5%

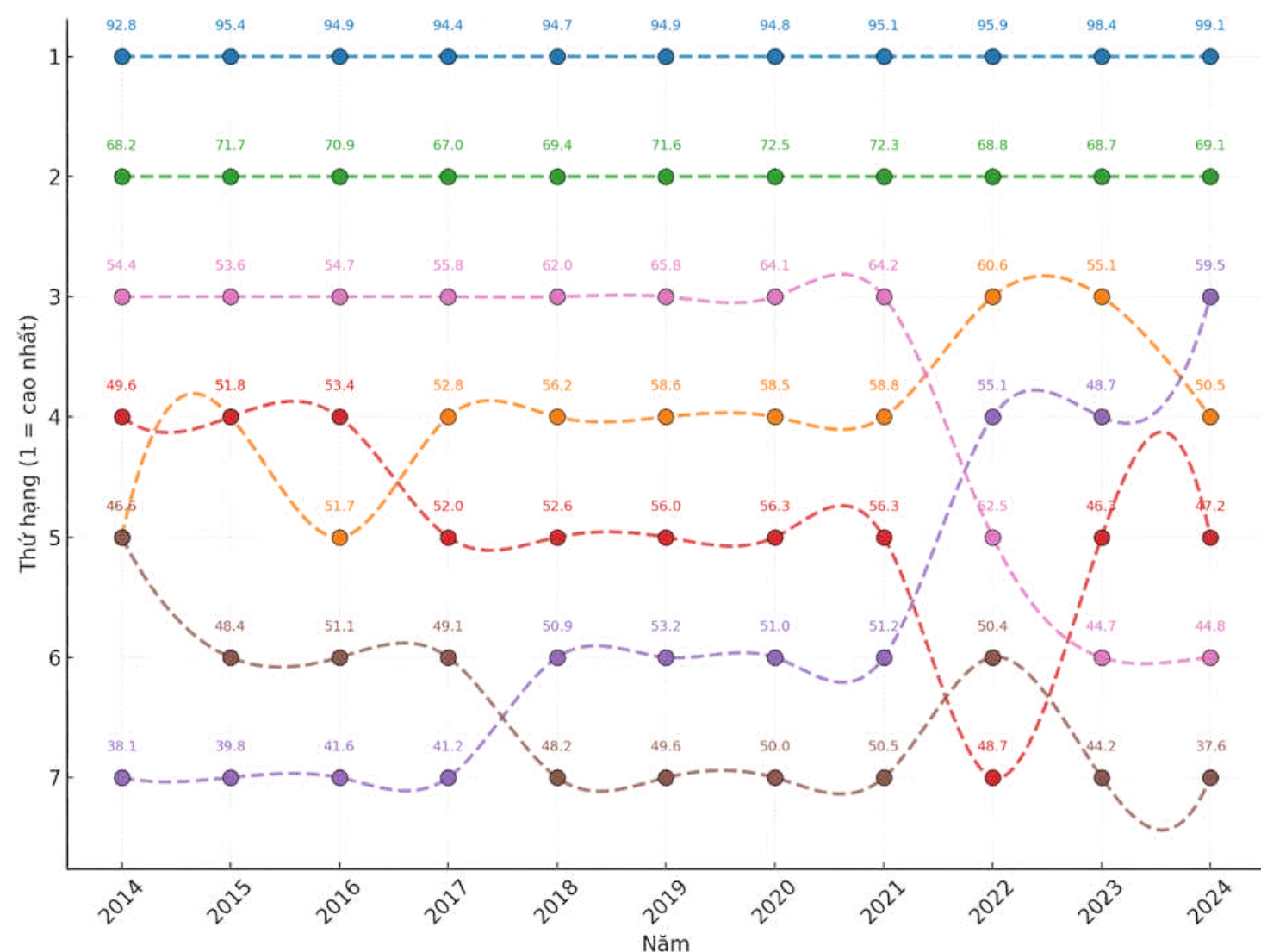
Việt Nam (2022)
Mức tăng trưởng GDP
cao nhất

Việt Nam là một trong những nền kinh tế **phục hồi nhanh nhất sau đại dịch**, với GDP tăng từ 2,6% năm 2021 lên 8,5% năm 2022 – mức cao nhất khu vực. Đà phục hồi tiếp tục được duy trì với 5,1% năm 2023 và 7,1% năm 2024, **vượt mức trung bình ASEAN** cho thấy nền kinh tế linh hoạt, tạo nền tảng vững chắc để **thúc đẩy đổi mới sáng tạo** trong bối cảnh cạnh tranh khu vực gia tăng.

Toàn cảnh năng lực đổi mới sáng tạo (2014-2024)

Đổi mới sáng tạo tại ASEAN: Sự phân hóa ngày càng rõ nét giữa các quốc gia (2014–2024)

• Singapore • Malaysia • Indonesia • Campuchia • Thái Lan • Philippines • Việt Nam



Biểu đồ: Thứ hạng và điểm trung bình GII của 7 quốc gia ASEAN (2014 - 2024)

Việt Nam:

- Năm 2014, Việt Nam đứng thứ 4 trong khu vực ASEAN với 35.8 điểm GII, thuộc nhóm giữa
- Việt Nam **cải thiện ổn định và đều đặn** qua từng năm.
- Từ năm 2019 trở đi, giữ vững **vị trí thứ 2 toàn khu vực**
- Điểm số tăng từ 35,8 (2014) lên 38,2 (2024) – thể hiện đà cải thiện bền vững, không đột biến

Singapore:

- Luôn giữ vị trí số 1, với điểm số vượt trội, tăng từ 46,7 lên 55.4 điểm trong giai đoạn này.

Malaysia:

- Từng là đối thủ trực tiếp của Việt Nam. Tuy nhiên, điểm số giảm từ 42,0 xuống 31,7, dẫn đến tụt xuống vị trí thứ 3 từ năm 2022.

Các nước ASEAN còn lại:

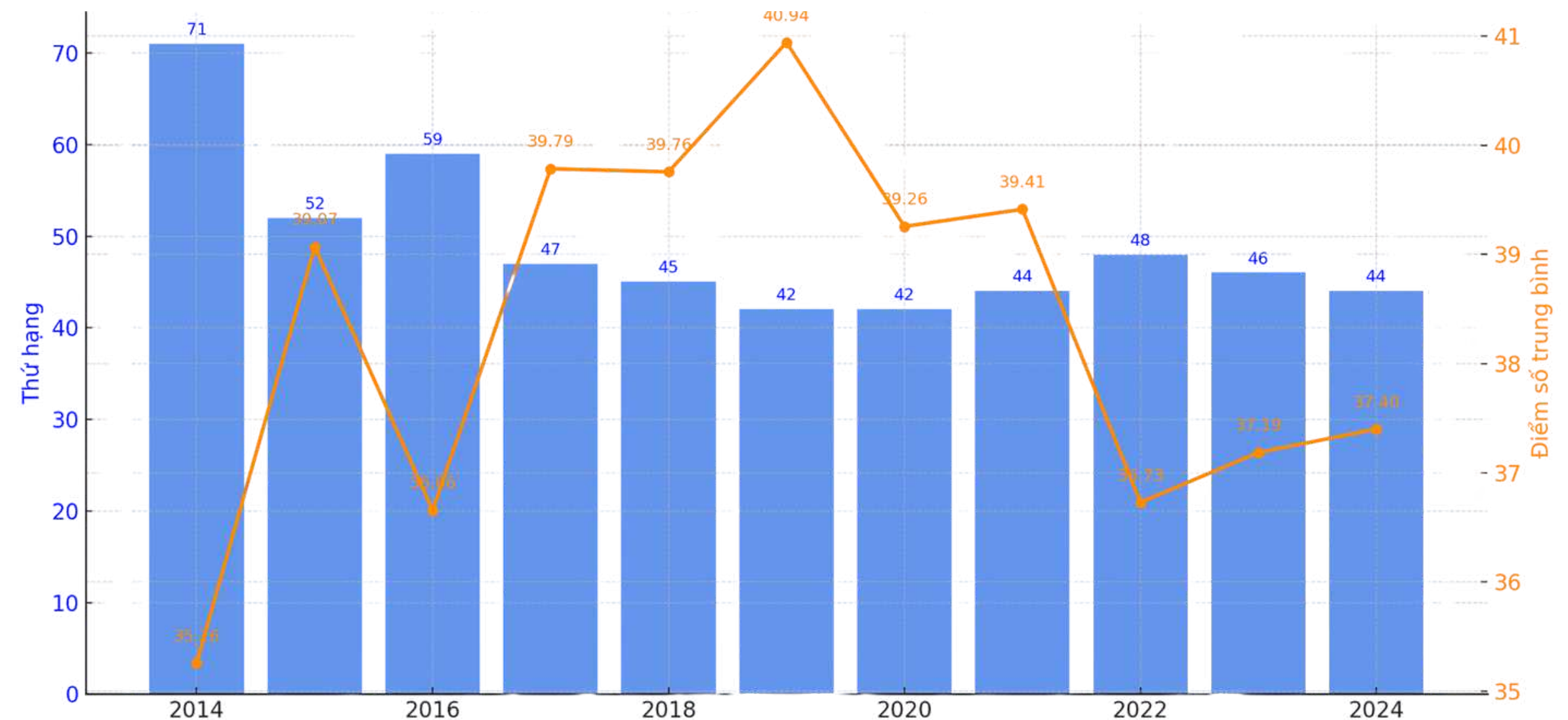
- Thái Lan và Indonesia: Có năm vượt lên nhưng thiếu tính ổn định.
- Campuchia và Philippines: Gần như luôn ở hai vị trí cuối bảng, điểm GII dao động ở mức thấp

Việt Nam đang khẳng định vững chắc vị trí top 2 ASEAN nhờ chiến lược đầu tư dài hạn và cải thiện liên tục. Đây là nền tảng quan trọng để từng bước tiệm cận nhóm dẫn đầu toàn cầu trong tương lai.

Toàn cảnh năng lực đổi mới quốc gia (2014-2024)

Việt Nam: Từ tăng tốc đến ổn định

- Từ năm 2014 đến 2024, Việt Nam **tăng 32 bậc** trong bảng xếp hạng GII, từ vị trí 76 lên 44 – một **bước tiến nhanh chóng** so với các nước cùng trình độ phát triển.
- Điểm số GII cũng cải thiện rõ rệt, đạt đỉnh 34,75 điểm vào năm 2019 và **duy trì ổn định** sau đó, dù có xu hướng giảm nhẹ giai đoạn 2022–2024.
- Vị trí thứ 44 năm 2024 cho thấy Việt Nam vẫn **nằm trong nhóm quốc gia đổi mới hàng đầu** và là một trong những nước **tăng hạng ổn định** nhất ASEAN sau năm 2015.



Biểu đồ: Thứ hạng và điểm số đổi mới sáng tạo của Việt Nam (2014-2024)

Việt Nam cho thấy sự tiến bộ ấn tượng về năng lực đổi mới, cả về điểm số lẫn thứ hạng GII. Dù gần đây có dao động nhẹ, xu hướng dài hạn vẫn phản ánh sự cải thiện bền vững và ổn định so với khu vực.

02

NĂNG LỰC ĐỔI MỚI QUỐC GIA VIỆT NAM TRONG SO SÁNH CÁC QUỐC GIA KHU VỰC ASEAN: LỢI THẾ VÀ KHOẢNG CÁCH

Việt Nam: Hành trình chưa đồng đều của hệ sinh thái đổi mới

Trụ cột nổi bật – Trình độ phát triển thị trường

- Trụ cột này đạt vị trí thứ 22 năm 2021 – mức cao nhất từng có.
- Phản ánh hiệu quả từ việc hội nhập kinh tế và các FTA đã ký kết.

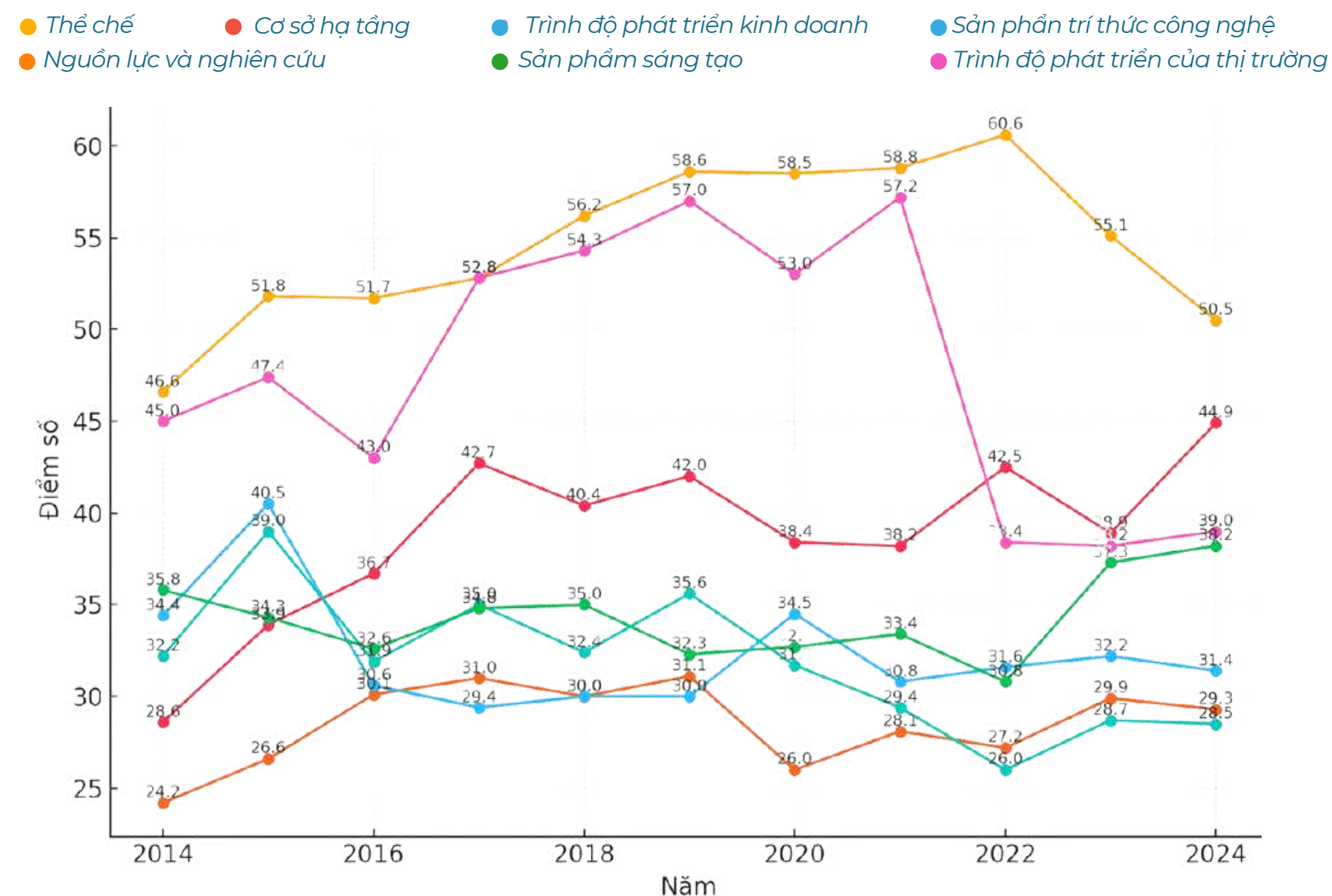
Trụ cột Thể chế biến động lớn

- Tăng mạnh lên 60,6 điểm năm 2022, cao nhất toàn chuỗi.
- Giảm còn 55,1 điểm năm 2024, đặt ra nghi vấn về tính bền vững của cải cách.

Trụ Tính phát triển thị trường và Trụ Phát triển kinh doanh: Trái ngược về tiến triển

- Tính phát triển thị trường: duy trì cao, khoảng 50,5 điểm (2024).
- Tính phát triển kinh doanh (trụ 5): dao động nhẹ, không có cải thiện rõ rệt.

Sau năm 2015, các trụ của Việt Nam bắt đầu có chuyển biến rõ rệt so với nền tảng yếu kém năm 2014



Biểu đồ: Điểm số các trụ cột của Việt Nam (2014-2024)

Việt Nam: Hành trình chưa đồng đều của hệ sinh thái đổi mới

Trụ cột đầu ra cải thiện ổn định

- Trụ Sản phẩm tri thức & công nghệ: tăng từ 32,2 (2014) lên 39,0 điểm (2024)
- Trụ Sản phẩm sáng tạo: từ 34,2 lên 38,2 điểm
- Cho thấy Việt Nam đang tăng hiệu quả chuyển hóa đầu vào thành đầu ra

Trụ cột đầu vào còn yếu và nhiều biến động

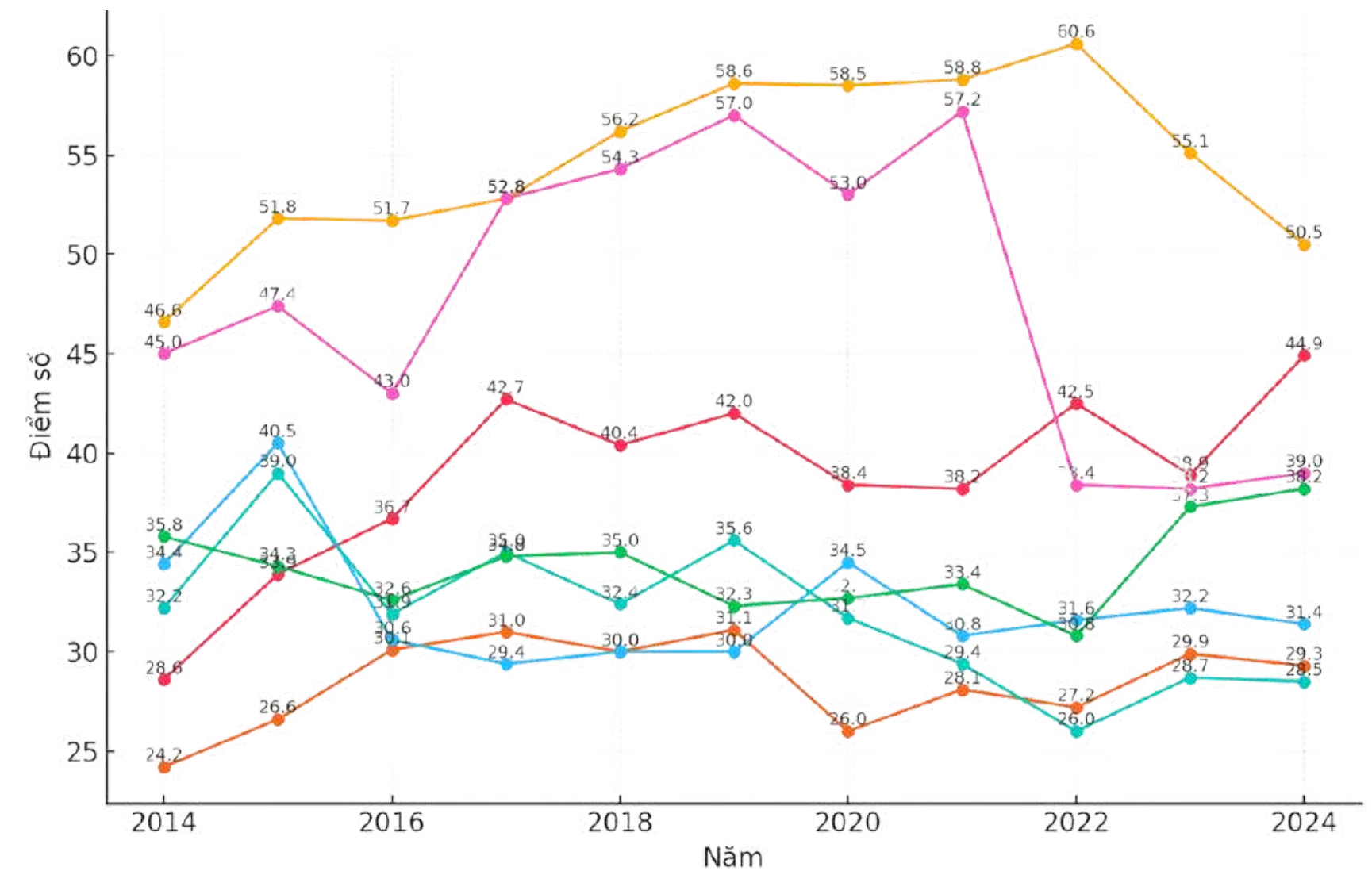
- Trụ Nguồn lực & nghiên cứu: tăng nhẹ từ 24,2 (2014) lên 29,3 (2024)
- Trụ Cơ sở hạ tầng: dao động mạnh, năm 2024 (28.5) còn thấp hơn cả năm 2016



- Hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của Việt Nam đang cho thấy hiệu quả ở đầu ra, dù đầu vào còn hạn chế
- Với nguồn lực khiêm tốn nhưng hiệu suất cao, Việt Nam cần tiếp tục cải thiện các trụ cột nền tảng như hạ tầng, thể chế và nghiên cứu để duy trì đà tiến

Nhóm trụ cột đầu vào phát triển đối lập trụ cột đầu ra trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của Việt Nam

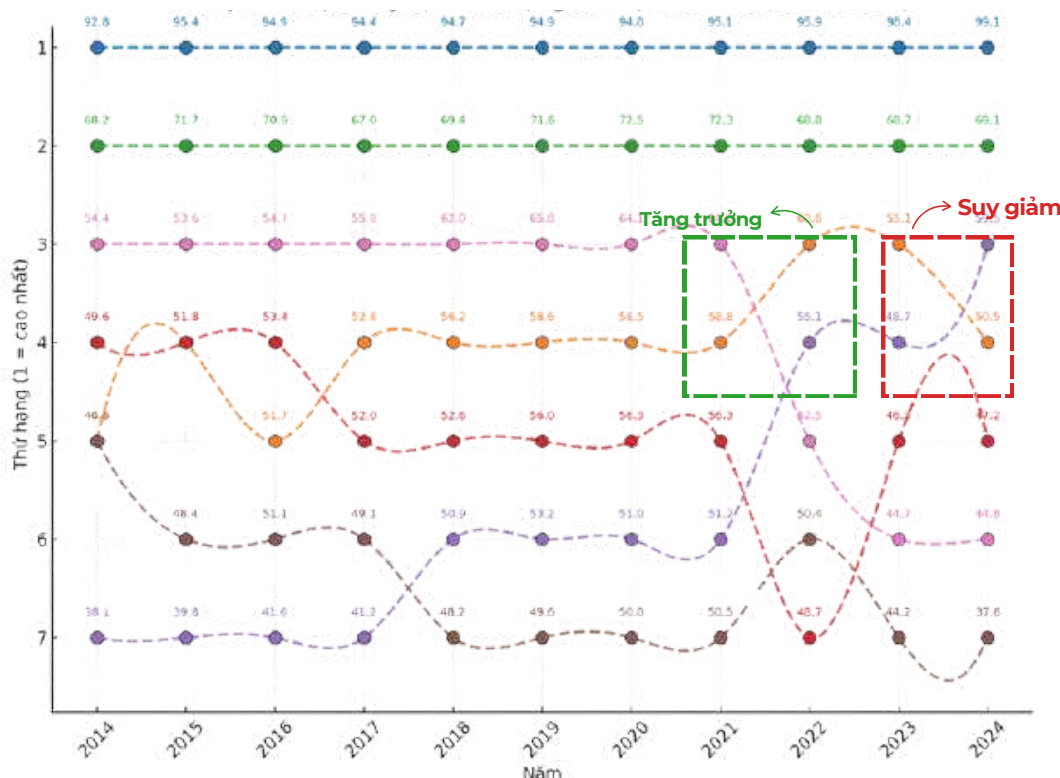
- Thể chế
- Cơ sở hạ tầng
- Trình độ phát triển kinh doanh
- Sản phẩm trí thức công nghệ
- Nguồn lực và nghiên cứu
- Sản phẩm sáng tạo
- Trình độ phát triển của thị trường



Biểu đồ: Điểm số các trụ cột của Việt Nam (2014-2024)

Nhóm trụ cột đầu vào - Chuyển biến tích cực nhưng thiếu bền vững

Trụ cột Thể chế



Biểu đồ: Điểm số trụ Thể chế Việt Nam với 6 nước ASEAN 2014-2024

- Cải thiện sau năm 2015, cho thấy tín hiệu tích cực ban đầu.
- Tăng mạnh năm 2022, đạt đỉnh 60,6 điểm
- Giảm điểm hai năm sau, thiếu ổn định, cần đặt câu hỏi về tính bền vững, chiều sâu cải cách thể chế.

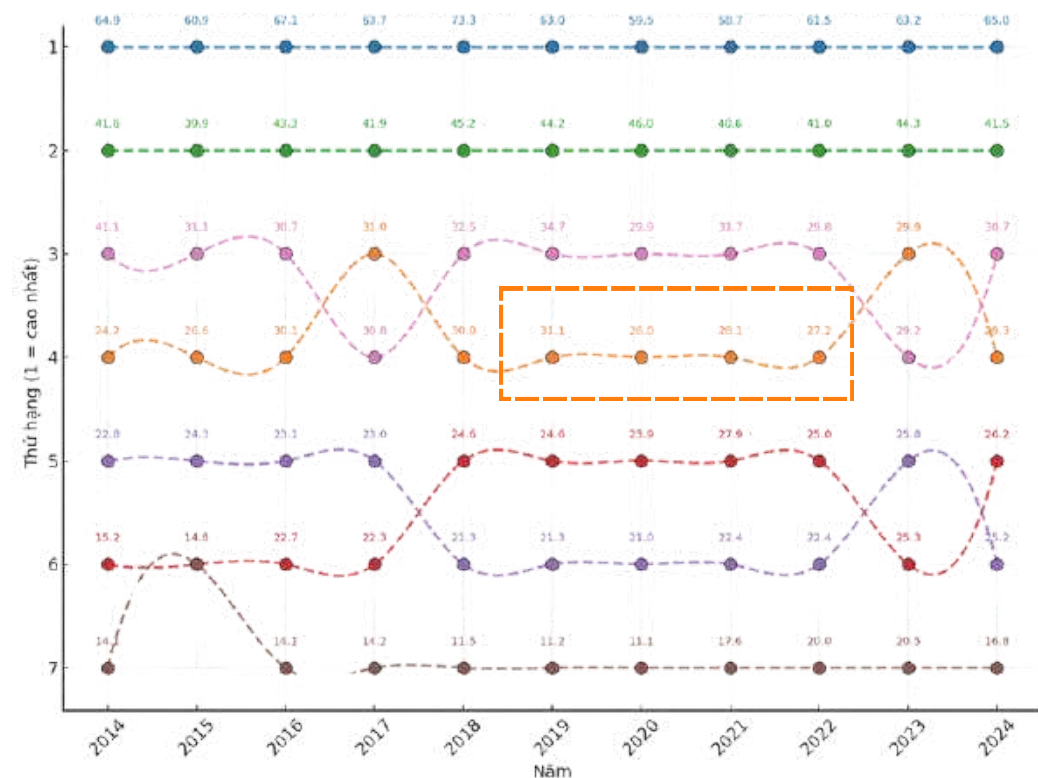
So sánh:

- Việt Nam vẫn xếp sau Singapore – quốc gia dẫn đầu khu vực. Tuy nhiên, đang dần bắt kịp Malaysia, Thái Lan và Indonesia, những nước có cải thiện chậm hơn.

Kết luận:

- Dù đã có tiến bộ đáng kể, điểm số của Việt Nam vẫn **thấp hơn mức trung bình khu vực**.
- Cần tăng cường cải cách thể chế, gắn với phát triển con người để đạt hiệu quả bền vững hơn.

Trụ cột Nguồn nhân lực và nghiên cứu



Biểu đồ: Điểm số trụ Nguồn lực và Nghiên cứu của Việt Nam với 6 nước ASEAN 2014-2024

- Liên tục nằm trong nhóm thấp nhất khu vực.
- Ghi nhận được sự cải thiện đáng kể vào 2016 tuy nhiên đến 2020 thì chững lại.
- Chưa từng tiệm cận mức trung bình ASEAN.

So sánh:

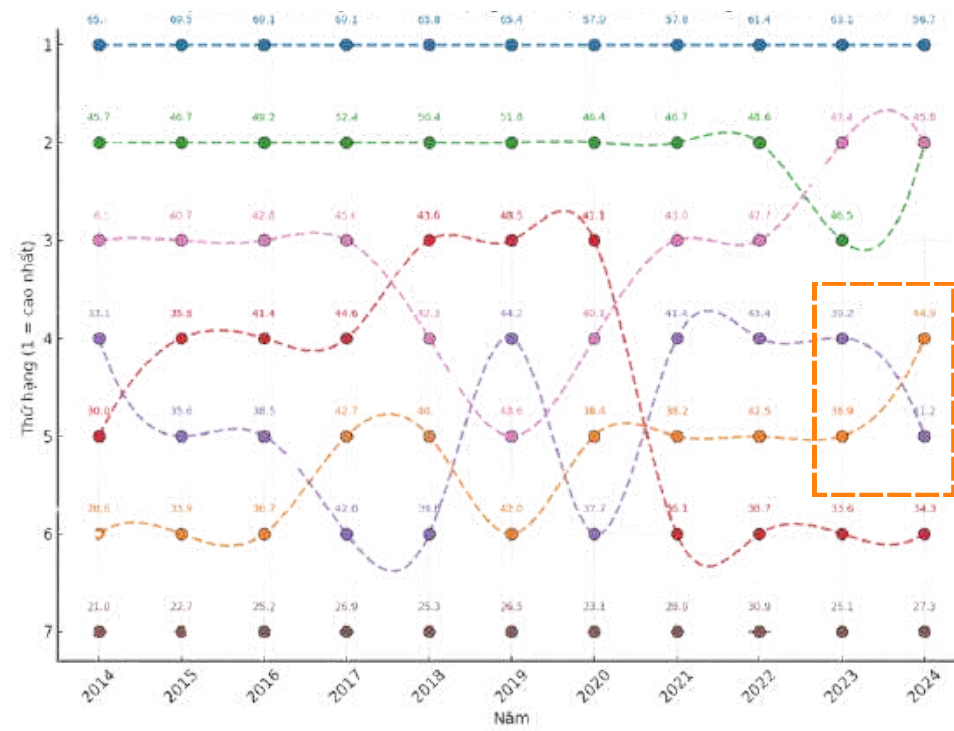
- Singapore duy trì trên 60 điểm, luôn dẫn đầu khu vực. Malaysia và Thái Lan biến động nhẹ, nhưng vẫn vượt xa Việt Nam

Kết luận:

- Điểm số về trụ cột Nguồn nhân lực và nghiên cứu cho thấy **hạn chế trong đầu tư giáo dục và R&D** tại Việt Nam

Nhóm trụ cột đầu vào - Chuyển biến tích cực nhưng thiếu bền vững

Trụ cột Cơ sở hạ tầng



Biểu đồ: Điểm số trụ Cơ sở hạ tầng của Việt Nam với 6 nước ASEAN 2014-2024

- Việt Nam duy trì điểm thấp so với các nước ASEAN
- Điểm cao nhất: 44,9 điểm (2024), vẫn dưới mức trung bình khu vực
- Tín hiệu tích cực: tăng đều từ 2014 đến nay

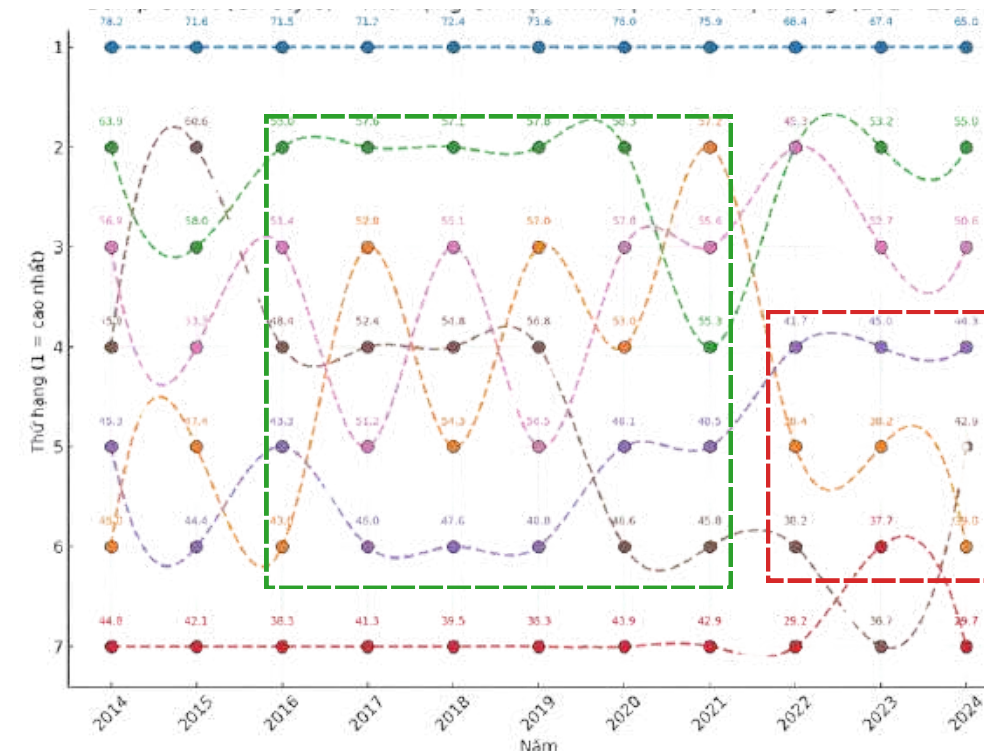
So sánh:

- Singapore luôn trên 60 điểm, giữ vị trí số 1. Ngoài ra, Malaysia & Thái Lan cũng luôn vượt qua Việt Nam

Kết luận:

- Điểm số về trụ cột Cơ sở hạ tầng cho thấy Việt Nam đang **nỗ lực đầu tư hạ tầng** và dần phát huy hiệu quả từ việc đầu tư

Trụ cột Trình độ phát triển của thị trường



Biểu đồ: Điểm số trụ Trình độ phát triển của thị trường của Việt nam với 6 nước ASEAN 2014-2024

Kết luận:

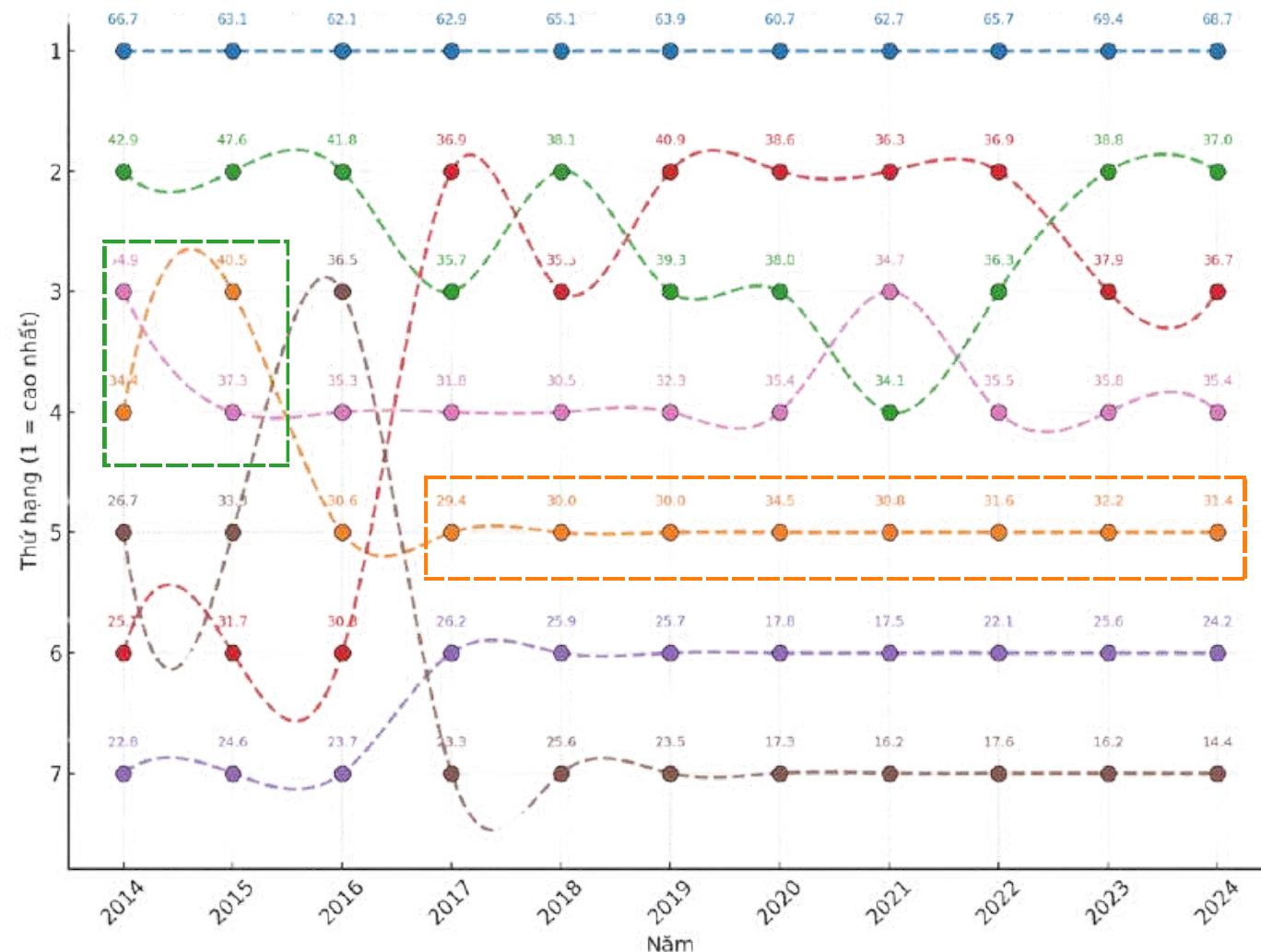
- Điểm số về trụ cột Trình độ phát triển của thị trường cho thấy tăng trưởng trước đó **chưa bền vững**, nền tảng thị trường vẫn **mong manh** trước cú sốc

- Tăng ấn tượng nhất trong 7 trụ cột
- Tăng từ mức thấp (~43 điểm giai đoạn 2014-2016) → đạt đỉnh 57,2 điểm (2021)
- Vượt trung bình khu vực, xếp thứ 4 trong ASEAN
- Giảm mạnh năm 2022, còn 38,4 điểm → thấp nhất trong 6 năm

Nhóm trụ cột đầu vào - Chuyển biến tích cực nhưng thiếu bền vững

Trụ cột Trình độ phát triển kinh doanh

• Singapore • Malaysia • Indonesia • Campuchia • Thái Lan • Philippines • Việt Nam



Biểu đồ: Điểm số trụ Trình độ phát triển kinh doanh của Việt Nam với 6 nước ASEAN 2014-2024

Giai đoạn 2014-2015:

- Điểm tăng từ 37,5 → 40,1, xếp thứ 3 ASEAN
- Đánh dấu giai đoạn cải cách môi trường kinh doanh mạnh mẽ

Giai đoạn 2016-2020:

- Điểm số giảm mạnh, chạm đáy 29,4 (2017)
- Phản ánh thiếu bền vững trong cải cách và khoảng cách giữa tiềm năng và thực tế

Giai đoạn 2020-2024:

- Phục hồi nhẹ từ 30 điểm (2020) → 34,5 (2021)
- Duy trì ở mức trung bình: 31,6 (2022) → 32,2 (2023) → 31,4 (2024)
- Vẫn thấp hơn giai đoạn đỉnh, nhưng là tín hiệu tích cực hậu COVID

Hiện tại:

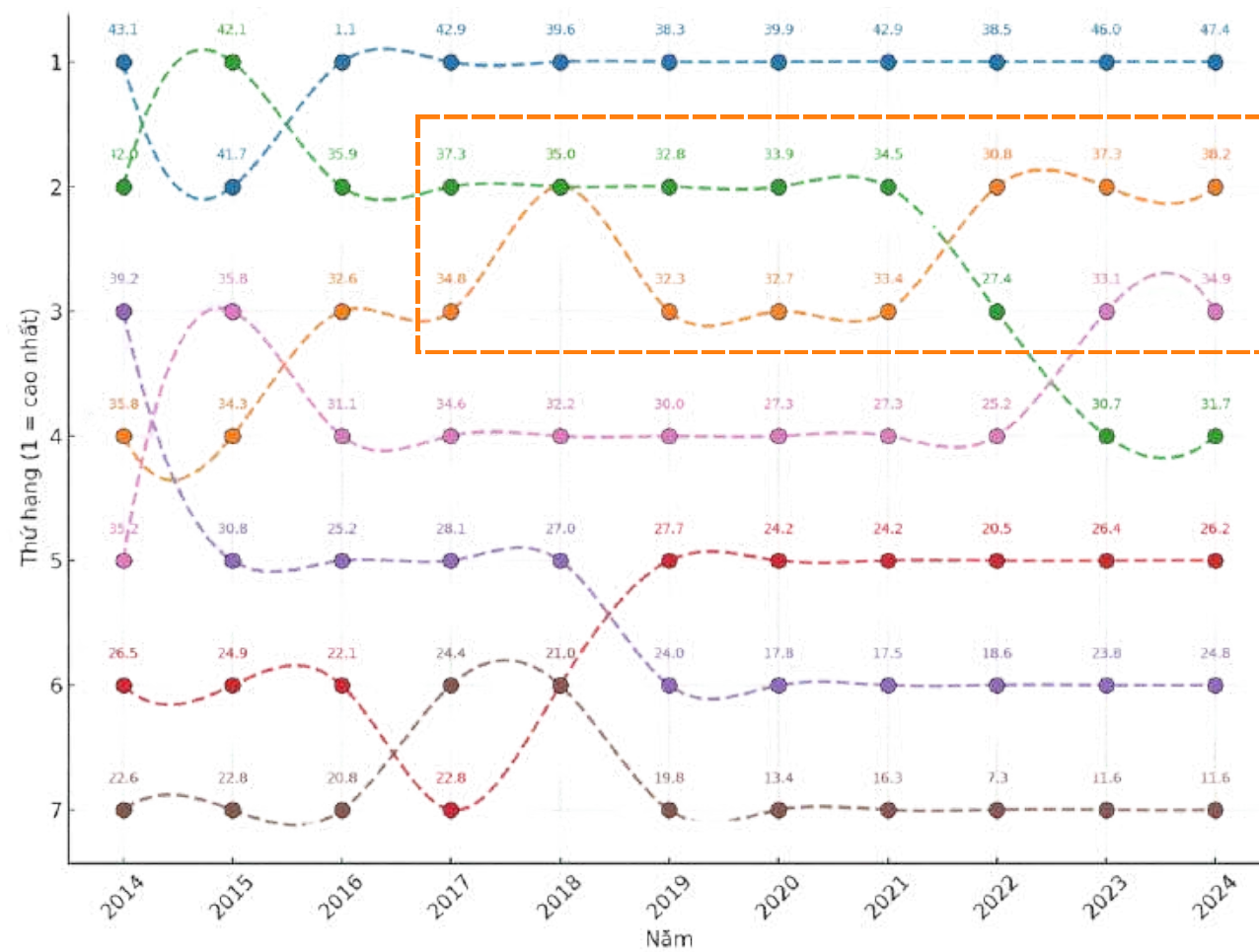
- Duy trì thứ 5 trong ASEAN, chưa trở lại top đầu
- Cho thấy tiềm năng cải thiện nếu chính sách ổn định và hệ thống hơn

Kết luận chung cho nhóm trụ cột đầu vào

Việt Nam đã có tiến bộ trong xây dựng nền tảng đổi mới sáng tạo, nhưng các yếu tố đầu vào như thể chế, nhân lực, hạ tầng và thị trường vẫn còn hạn chế. Dù có tín hiệu cải thiện, đặc biệt ở thể chế và hạ tầng, Việt Nam cần duy trì cải cách ổn định và bền vững để tạo môi trường thuận lợi cho đổi mới sáng tạo phát triển lâu dài.

Nhóm trụ cột đầu ra - Từ “người theo sau” sang quốc gia kiến tạo giá trị đổi mới

Trụ cột Sản phẩm sáng tạo - Động lực tăng trưởng mới và ổn định vượt trội



Biểu đồ: Điểm số trụ cột Sản phẩm sáng tạo của Việt Nam với 6 nước ASEAN 2014-2024

Giai đoạn đột phá: 2019–2020

- Việt Nam vươn từ hạng 4 (2014) lên hạng 2 (2019–2020), chỉ sau Singapore
- Vượt qua Malaysia, Thái Lan, Indonesia
- Phản ánh khả năng chuyển hóa nghiên cứu thành sản phẩm công nghệ mạnh mẽ

Giai đoạn suy giảm nhẹ: 2021–2024

- Thứ hạng giảm xuống hạng 3–4, do Malaysia và Thái Lan phục hồi
- Cho thấy thiếu chiến lược duy trì vị thế dài hạn

Vấn đề

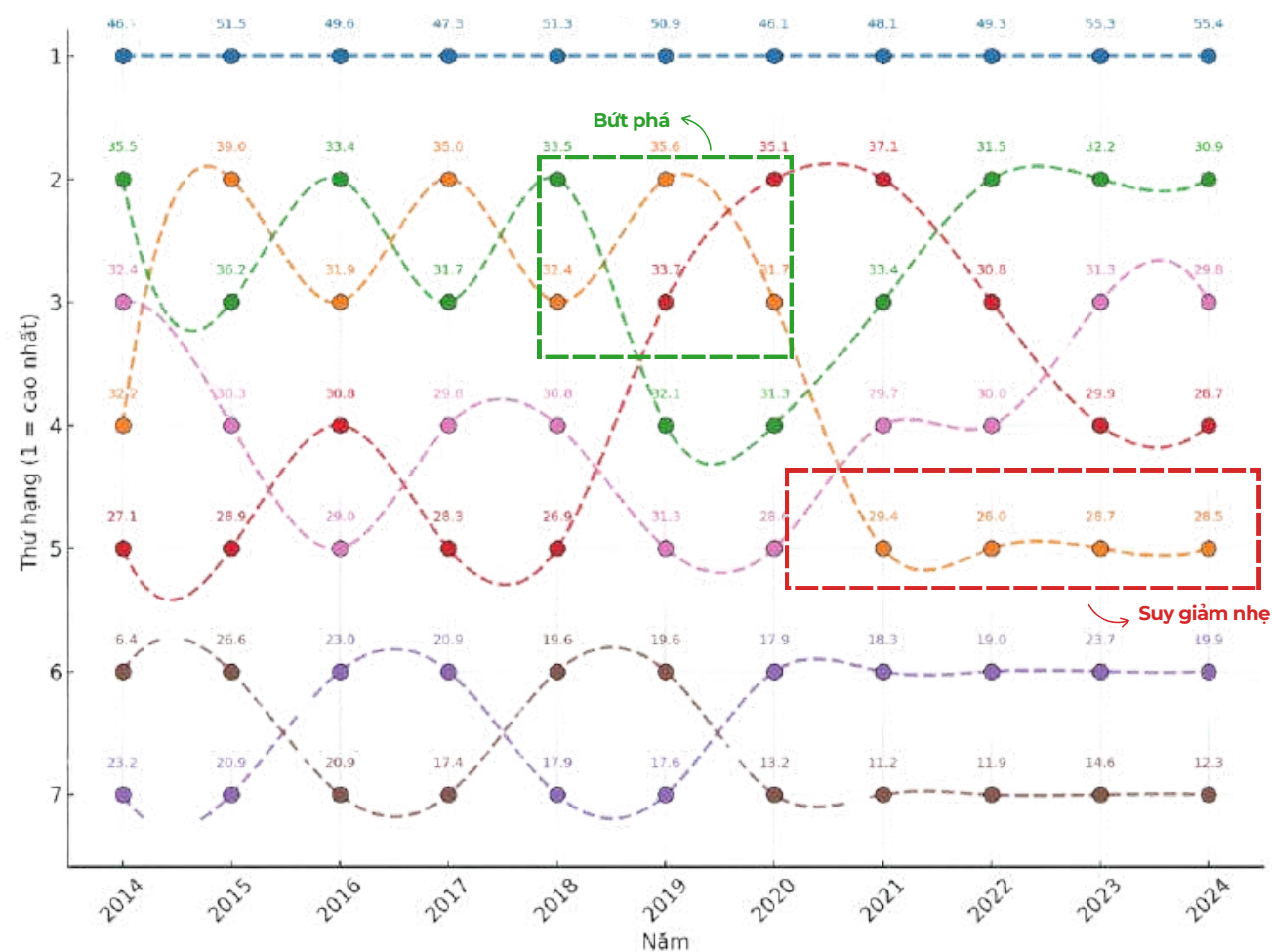
- Dù có tiềm lực nghiên cứu, Việt Nam chưa duy trì ổn định trong thương mại hóa kết quả
- Thiếu liên tục và chiều sâu trong chiến lược đầu tư dài hạn

Kết luận

- Trụ cột này từng thể hiện **tiềm năng phát triển mạnh**, góp phần đưa Việt Nam vươn lên top đầu khu vực.
- Hiện đang có dấu hiệu **chững lại**, cho thấy cần chiến lược dài hạn để duy trì động lực và tăng hiệu quả chuyển hóa nghiên cứu thành sản phẩm thực tiễn

Nhóm trụ cột đầu ra - Từ “người theo sau” sang quốc gia kiến tạo giá trị đổi mới

Trụ cột Sản phẩm công nghệ và tri thức - *Tăng trưởng bất phá nhưng thiếu tính bền vững*



Biểu đồ: Điểm số trụ Sản phẩm công nghệ và tri thức của Việt Nam với 6 nước ASEAN 2014-2024

Thứ hạng cải thiện rõ rệt:

- Từ hạng 5–6 (2014–2017) → hạng 4 (2018–2019)
- Lên hạng 3 (2020–2021), vượt Indonesia và Malaysia
- Giữ vững hạng 2 khu vực (2022–2024), chỉ sau Singapore

So với các nước trong khu vực:

- Malaysia: từ hạng 2 (2014) tụt xuống hạng 4 (2024)
- Indonesia: dao động không ổn định quanh hạng 3–5

Điểm nổi bật của Việt Nam:

- Thứ hạng tăng đều, không biến động lớn
- Thể hiện sự ổn định và bền vững trong tạo ra giá trị sáng tạo

Ý nghĩa:

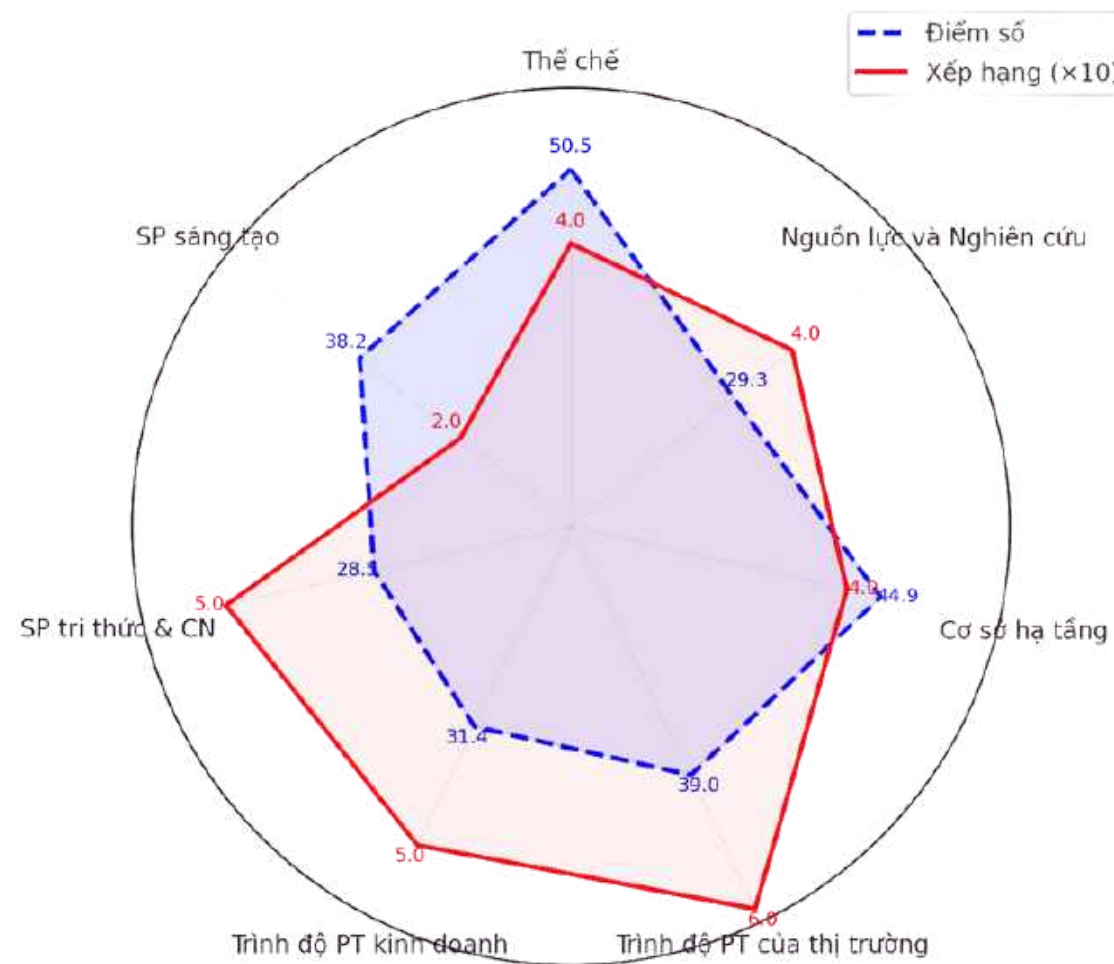
- Cho thấy năng lực sáng tạo của Việt Nam đang được định hình rõ ràng và lâu dài

Kết luận chung cho nhóm trụ cột đầu ra

Việt Nam đang chuyển mình từ giai đoạn tận dụng tiềm lực sang tạo ra giá trị đổi mới thực chất. Trong khi trụ cột công nghệ - tri thức có dấu hiệu chứng lại, trụ cột sản phẩm sáng tạo nổi lên là động lực mới với đà cải thiện ổn định. Đây là dấu hiệu cho thấy Việt Nam đang dần đóng vai trò “người kiến tạo giá trị đổi mới” trong khu vực.

Thực trạng năng lực đổi mới sáng tạo của Việt Nam năm 2024

Điểm mạnh và điểm yếu



Biểu đồ: Điểm và xếp hạng 7 trụ cột trong chỉ số Đổi mới sáng tạo của Việt Nam năm 2024

Điểm mạnh nổi bật

- Thể chế (50,5 điểm) là trụ cột mạnh nhất, cho thấy hệ thống pháp lý thuận lợi cho đổi mới sáng tạo.
- Cơ sở hạ tầng (44,9 điểm) giữ vững vai trò hỗ trợ kỹ thuật cho chuyển đổi số.
- Sản phẩm sáng tạo (38,2 điểm) tuy điểm trung bình nhưng đạt thứ hạng cao nhất (hạng 2) → cho thấy năng lực thương mại hóa sản phẩm sáng tạo là điểm mạnh về đầu ra.

Điểm yếu cốt lõi

- Nguồn lực & nghiên cứu (29,3 điểm) và Sản phẩm tri thức & công nghệ (28,1 điểm) phản ánh đầu tư thấp vào R&D và nhân lực chất lượng cao.
- Trình độ phát triển kinh doanh (31,4 điểm) và đặc biệt Trình độ phát triển thị trường (39,0 điểm – hạng 6) cho thấy thị trường chưa đủ sẵn sàng để hấp thụ đổi mới.

NHẬN ĐỊNH TỔNG THỂ

Việt Nam hiện có “đầu ra sáng” nhưng “đầu vào yếu”, với thị trường chưa sẵn sàng tiếp nhận đổi mới. Muốn phát triển bền vững, cần đầu tư lại vào nghiên cứu, phát triển thị trường, và kết nối thể chế với các trụ cột khác để lan tỏa đổi mới sáng tạo toàn diện.

Sự tương quan giữa các trụ cột đổi mới sáng tạo

Sản phẩm sáng tạo

- Tương quan thấp hơn SPTT, nhưng vẫn cao so với mặt bằng chung:
- TC (0.67),>NNLNC (0.78), CSHT (0.71)
- SPST chịu ảnh hưởng ít hơn từ nền tảng, mang tính **ngắn hạn, phản ánh tính thị trường** và sáng tạo nội dung.
- Nếu không có đầu tư chiến lược, **SPST dễ bị mất ổn định trước các cú sốc**.



Sản phẩm công nghệ, tri thức

- Tương quan rất mạnh với Phát triển Kinh doanh (0.95),>NNLNC (0.87), Thể chế (0.84), CSHT (0.80)
- SPVN&TT **phụ thuộc mạnh** vào chất lượng thể chế, nhân lực và hạ tầng
- Đây là **trụ cột đầu ra có quan hệ chặt nhất với đầu vào**, phản ánh **hiệu suất tổng hợp** của hệ thống

KẾT LUẬN

Quan hệ giữa SPCN&TT và SPST: Hệ số tương quan cao (0.82) → Hai trụ cột đầu ra **vận hành song song**, nhưng **khác về bản chất**:

- SPTT: phản ánh tích lũy hệ thống
- SPST: phản ánh cơ hội thị trường

- Hệ sinh thái đổi mới của Việt Nam có sự kết nối chặt chẽ
- Để đảm bảo tăng trưởng đổi mới sáng tạo bền vững, cần đầu tư đồng bộ vào các yếu tố nền tảng: thể chế, nhân lực R&D và hạ tầng

Đổi mới sáng tạo: Nền móng chiến lược cho tăng trưởng kinh tế bền vững

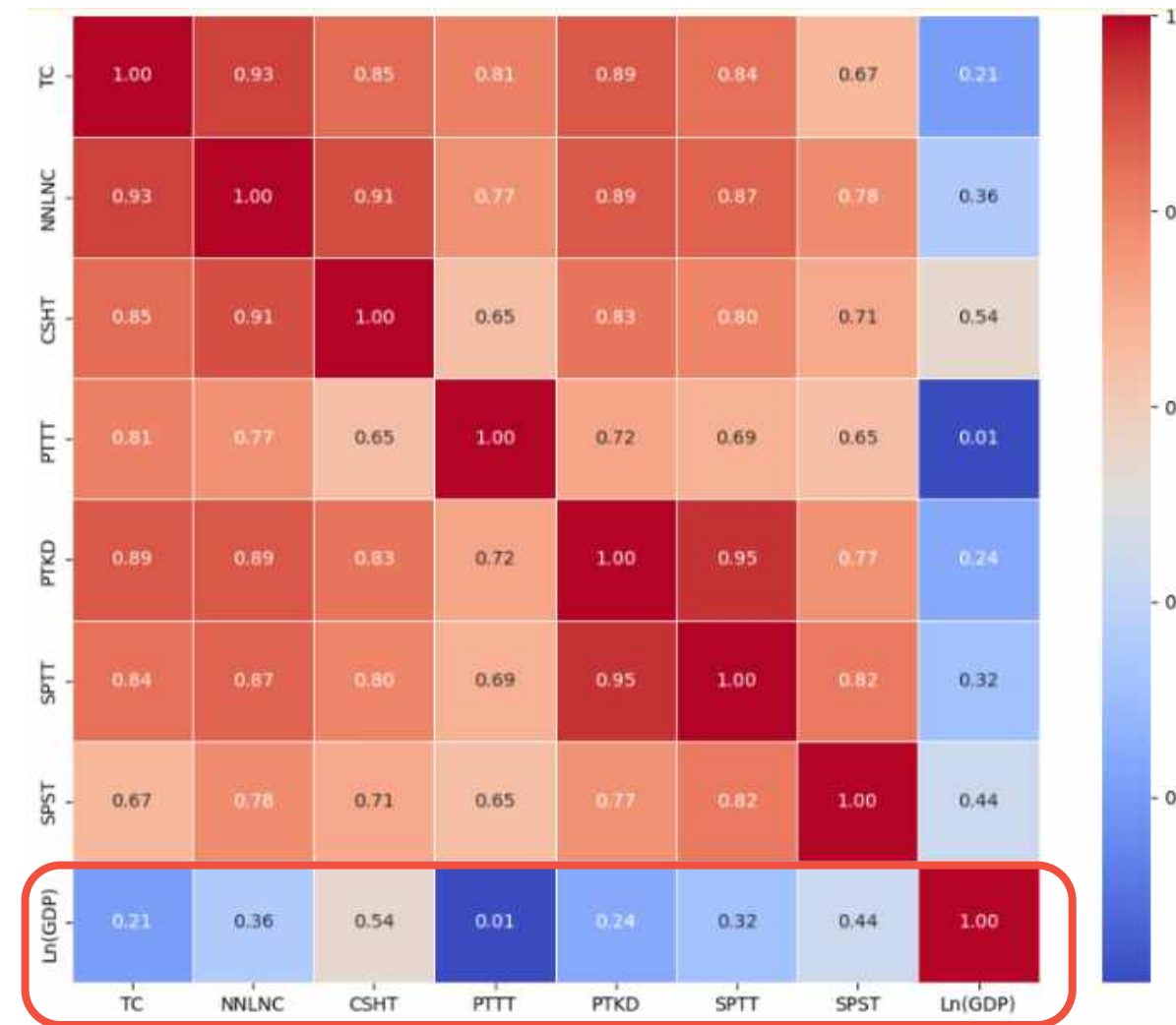
Hiệu ứng lan tỏa trong hệ sinh thái đổi mới

- Khi một trụ cột được cải thiện, các trụ cột khác có xu hướng phát triển cùng chiều.
- Điều này tạo ra **hiệu ứng lan tỏa tích cực** trong toàn hệ sinh thái đổi mới sáng tạo.
- Ví dụ: Thể chế không chỉ là đầu vào mà còn là chất xúc tác nâng cao chất lượng nhân lực nghiên cứu



Kết luận

- Đầu tư đồng bộ vào các trụ cột đổi mới giúp phát triển hệ sinh thái
- Khi các trụ cột vận hành hiệu quả, chúng trở thành động lực bền vững cho tăng trưởng dài hạn.



Biểu đồ: Tương quan giữa các trụ đổi mới sáng tạo với tăng trưởng kinh tế

Tác động đến tăng trưởng kinh tế

- Tất cả trụ cột GII đều có **tương quan dương với GDP**
- Đổi mới sáng tạo không chỉ là **mục tiêu phát triển**, mà là **đòn bẩy** cho tăng trưởng kinh tế.





TĂNG TỐC ĐẦU RA, NHƯNG ĐẦU VÀO CÒN... HỤT HƠI?

Nhóm: ĐẠI ĐÌ

Nghịch lý đầu vào – đầu ra: Đây là căn nguyên?



Vấn đề

- Trụ cột đầu ra cao, nhưng đầu vào yếu → Hệ sinh thái đổi mới sáng tạo thiếu bền vững.

Nguyên nhân

Tận dụng lợi thế sẵn có

- Lao động rẻ, dân số trẻ, số hóa nhanh
- Tăng trưởng mạnh ở các lĩnh vực “vượt rào” R&D: phần mềm, nội dung số, thiết kế...

Thế chế mạnh nhưng cô lập

- Cải cách pháp lý nổi bật
- Nhưng chưa lan tỏa sang viện, trường, doanh nghiệp
- Thiếu kết nối – thiếu cơ chế đặt hàng, đồng tài trợ, thương mại hóa

Thiếu đầu tư chiến lược vào nền tảng

- Chi ngân sách R&D ít hơn 0,5% GDP (theo WB, 2021)
- Phụ thuộc vào tư nhân & FDI → Tăng trưởng ngắn hạn, thiếu nền móng công nghệ

Kết luận

- Việt Nam đang tăng trưởng đổi mới theo hướng “từ ngọn” – kết quả đầu ra cao nhưng thiếu nền tảng ổn định.
- Nếu không điều chỉnh kịp thời, hệ sinh thái có nguy cơ suy giảm hiệu suất và chững lại.

03

KẾT LUẬN

01 Đổi mới sáng tạo là động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế

- Trong giai đoạn cạnh tranh công nghệ và chuyển đổi số mạnh mẽ
- Đổi mới sáng tạo không còn là lựa chọn, mà là điều kiện sống còn để tăng trưởng bền vững và nâng cao vị thế quốc gia

03 Hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của Việt Nam còn mất cân đối

- Cơ sở hạ tầng gần như không cải thiện trong 10 năm, có giai đoạn còn giảm điểm
- Trình độ phát triển thị trường từng tăng mạnh nhưng lại giảm đột ngột, cho thấy thiếu nền tảng vững chắc
- Việt Nam đạt kết quả đầu ra tốt, nhưng thiếu trụ đỡ đầu vào vững chắc. Sự mất cân đối này là điểm yếu lớn và khó duy trì trong dài hạn

02 Việt Nam đã vươn lên tích cực bằng hiệu suất đầu ra

- Không đầu tư lớn, nhưng chuyển hóa đầu vào thành đầu ra rất hiệu quả (2014–2024)
- Việt Nam ít nguồn lực nhưng hiệu quả cao, đạt kết quả vượt mong đợi nhờ sử dụng tối ưu những gì sẵn có

04 Hệ sinh thái đổi mới sáng tạo: vòng tròn đang đứt gãy

Nguyên lý hệ sinh thái hiện đại:

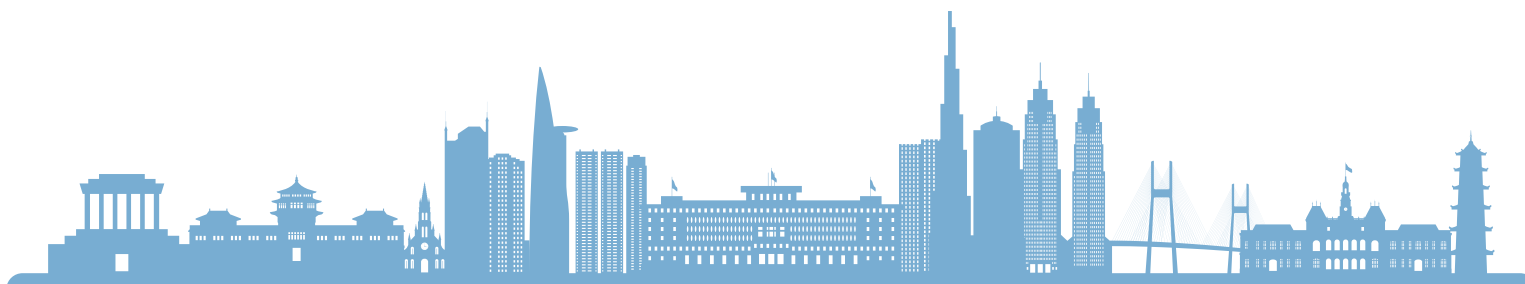
- Trụ cột này kéo theo trụ cột khác khi được đầu tư đúng hướng. Yêu cầu vận hành đồng bộ giữa đầu vào và đầu ra

Thực trạng tại Việt Nam:

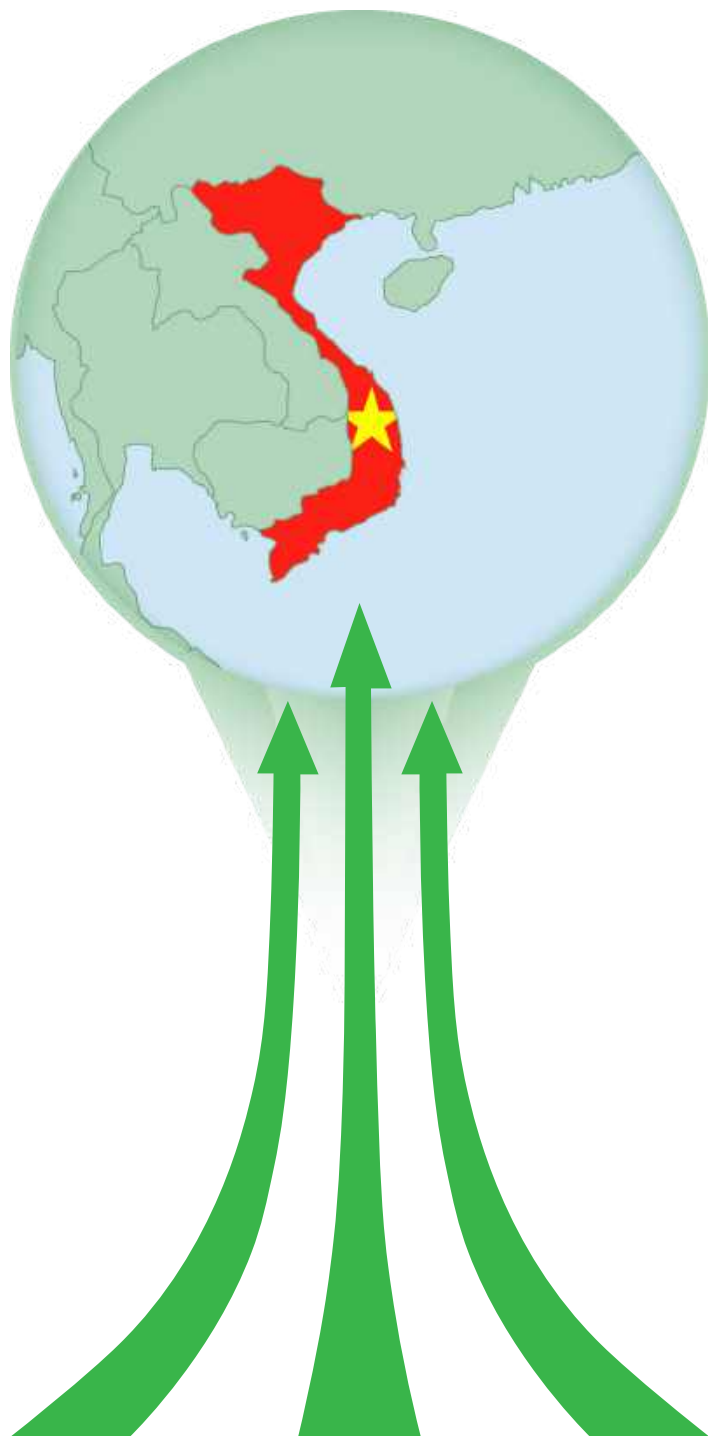
- Đầu ra vượt trội, nhưng đầu vào trì trệ
- Liên kết giữa các trụ cột thiếu bền vững, tạo mô hình phát triển lệch

Hệ quả:

- Vòng tăng trưởng bị "lệch", đầu ra không đủ kéo cả hệ sinh thái. Tăng trưởng hiện tại khó duy trì, dễ thành chi phí của tương lai



05



Việt Nam đang "**thắng ngắn**" – và thắng ấn tượng

- Tăng 32 bậc GII trong 10 năm (2014–2024)
- **Đầu ra cao:** sản phẩm sáng tạo & tri thức công nghệ vượt trội
- Tận dụng tốt lợi thế hiện có: lao động trẻ, số hóa, khởi nghiệp năng động



- Cần chuyển từ "tăng trưởng đầu ra" sang "đổi mới đồng bộ"
- Phát triển hệ sinh thái đổi mới vững chắc: thể chế – hạ tầng – nhân lực – thị trường

Nhưng có nguy cơ "**thua dài**"

- **Đầu vào yếu:** hạ tầng, R&D, nhân lực, cơ chế hỗ trợ còn bất ổn
- Hệ sinh thái **mất cân bằng** → như cỗ máy mạnh đặt trên nền móng tạm bợ
- Nếu không đầu tư vào nền tảng, thành quả hiện tại sẽ không bền





THẮNG NGẮN LÀ NỔ LỰC THẮNG DÀI LÀ CHIẾN LƯỢC

Nhóm: ĐẠI ĐÌ

04

ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

THỰC TRẠNG

- Việt Nam có hiệu suất đầu ra cao nhưng đầu vào yếu (thể chế, nhân lực, hạ tầng, thị trường).
- Mất cân đối này là điểm nghẽn lớn, có thể làm suy giảm tăng trưởng dài hạn nếu không được khắc phục.

GIẢI PHÁP

Ngắn hạn:

Củng cố năng lực đầu vào

- Tăng chi ngân sách công cho R&D lên tối thiểu 0,8% GDP, đi kèm cải thiện cơ chế phân bổ.
- Thành lập 3 Trung tâm đổi mới vùng (Hà Nội, TP.HCM, Đà Nẵng) theo mô hình PPP.
- Học bổng quốc gia đổi mới sáng tạo cho nhân lực trẻ, ràng buộc cam kết và hỗ trợ sự nghiệp trong nước.

Dài hạn:

Phát triển năng lực

- Thành lập Cơ quan quản lý đổi mới sáng tạo quốc gia, giúp điều phối chính sách, ngân sách và liên kết giữa các bộ ngành.
- Chuẩn hóa giáo dục đại học theo hướng nghiên cứu – khởi nghiệp, tăng liên kết doanh nghiệp – nhà trường.
- Xây dựng hạ tầng số đổi mới sáng tạo: cơ sở dữ liệu mở, nền tảng AI, công cụ hỗ trợ khởi nghiệp.

THỰC TRẠNG

- Việt Nam có hiệu suất đầu ra cao nhưng đầu vào yếu (thể chế, nhân lực, hạ tầng, thị trường).
- Mất cân đối này là điểm nghẽn lớn, có thể làm suy giảm tăng trưởng dài hạn nếu không được khắc phục.

GIẢI PHÁP

Xây dựng hệ thống liên kết và lan tỏa

- Thí điểm mô hình liên kết "3 nhà": nhà nước – nhà trường – doanh nghiệp tại các cụm đổi mới trọng điểm.
- Xây dựng nền tảng số quốc gia về đổi mới sáng tạo để kết nối dữ liệu, nhu cầu, đối tác.
- Thiết kế bản đồ luồng đổi mới và xây dựng vành đai lan tỏa, kết nối trung tâm với doanh nghiệp và thị trường.

Lồng ghép đổi mới sáng tạo vào chiến lược quốc gia

- Ban hành Chiến lược quốc gia về đổi mới sáng tạo (2025–2035), tích hợp với chiến lược phát triển KT-XH.
- Thiết lập KPI gắn với tăng trưởng kinh tế, đo hiệu quả đầu tư đổi mới.
- Thể chế hóa bằng Luật Đổi mới sáng tạo và thành lập cơ quan điều phối cấp quốc gia.



LỜI CẢM ƠN

Chân thành cảm ơn quý thầy cô đã dành thời gian theo dõi và đồng hành cùng nhóm trong quá trình thực hiện và hoàn thiện nội dung báo cáo này



Thành viên nhóm:



Dương Bảo Uyên



Nguyễn Ngọc Huyền



Trần Thị Minh Ngọc